

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 08/7/2020
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/- Ông Huỳnh Ngọc Trí;

2/- Ông Lê Văn Tám.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Cảnh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 08 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay xét xử sơ thẩm công KH vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 105/2020/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2020, về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1/- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Ấp 7, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

2/- Bị đơn: Ông Phan Văn Mười H, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Ấp 7, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Bà T và ông H vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T trình bày: Bà và ông Phan Văn Mười H cưới nhau vào năm 1997, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Bình. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian và có với nhau 02 con chung. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có mâu thuẫn nhưng hàn gắn được. Đến cuối năm 2019, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do bà đi làm mướn kiếm tiền nuôi con đang bị bệnh thì ông Mười H kiếm chuyện chửi bới không cho bà đi làm và tỏ ý ghen tuông vô cớ, thậm chí đánh đập bà và các con. Tháng 10/2019, cả 03 mẹ con phải về bên ngoại sống và cắt đứt quan hệ với ông H đến nay.

Bà T cảm thấy tình cảm vợ chồng đã thật sự rạn nứt không còn khả năng hàn gắn nên yêu cầu được ly hôn với ông Phan Văn Mười H.

- Về con chung: Giữa bà và ông Mười H có 02 con chung đã trưởng thành.

- Tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn ông Phan Văn Mười H trình bày tại phiên hòa giải đoàn tụ thừa nhận có chưởi mắng bà T nhưng thỉnh thoảng chớ không thường xuyên, ông hứa khắc phục, sửa đổi và xin được đoàn tụ.

Con chung: như bà T trình bày.

* Tại phiên phiên tòa:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn ông Phan Văn Mười H vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Kim T là nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà T.

Ông Phan Văn Mười H là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ H mà vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Mười H.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Giữa bà Nguyễn Thị Kim T và ông Phan Văn Mười H chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Tại phiên tòa, bà T xác định tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa bà và ông Mười H trầm trọng không hòa giải hàn gắn được, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt do ông Mười H có hành vi bạo hành, bà đã tạo cơ hội nhưng ông Mười H không thay đổi.

Ông Phan Văn Mười H thừa nhận tại phiên hòa giải đoàn tụ là ông có mắng chưởi bà T nhưng không thường xuyên, ông hứa khắc phục nhưng không được bà T chấp nhận.

Ông Phan Văn Mười H không tham gia phiên tòa để trình bày biện pháp khắc phục, không còn quan tâm đến tình trạng hôn nhân với bà T.

Thấy rằng: Trong cuộc sống vợ chồng, ông H có hành vi bạo lực gia đình làm cho hôn nhân giữa ông và bà T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu ly hôn với ông H là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về con chung:

Giữa bà T và ông Mười H có 02 con chung đã trưởng thành, bà T không yêu cầu giải quyết.

[4]. Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu giải quyết.

[5]. Về án phí:

Bà T phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy

ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ vào:**

- Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Xử:**

1. Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Kim T được ly hôn với ông Phan Văn Mười H.
2. Về án phí: Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0537 ngày 24/4/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy nên bà T không phải nộp tiếp tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo:

Bà T và ông Mười H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Tiền Giang;
- VKSND TX Cai Lậy;
- Chi cục THADS TX Cai Lậy;
- Các đương sự: T, H;
- UBND xã Tân Bình, thị xã Cai Lậy;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ Tịch phiên T

HỒ THỊ ÁNH TUYẾT